

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HS - ST

Ngày: 16/6/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Đào Mạnh Nam và bà Đỗ Thị Thu Hà.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông: Vũ Văn Dương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở UBND xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm Lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2023/TLST – HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Hữu D, sinh ngày 26/8/1980.

Nơi cư trú: thôn KT, xã DHT, huyện TT, tỉnh B. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Hoàng Hữu P, sinh năm 1949 con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945 có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2003 đều trú tại xã DHT, huyện TT, tỉnh B. Tiền sự: Không. Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2022/HSST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản,

Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 144 ngày 21/02/1998 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử 03 năm 9 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân và Trộm cắp tài sản của công dân, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc số 06/2017/QĐ-TA ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đối với D thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 03/10/2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2023 đến ngày 15/02/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

2. Nguyễn Văn N, sinh ngày 07/10/1975.

Nơi cư trú: thôn HĐ, xã TS, huyện TT, tỉnh B. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đặng Văn R con bà Trần Thị D1 (đều đã chết) có vợ là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981, có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 63/PT ngày 25/08/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử 06 tháng tù cho hưởng án treo về Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 10/04/2020 của Công an xã DHT, huyện TT phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 13/4/2020. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 91/QĐ-XPHC ngày 08/09/2021 của Công an huyện Thái Thụy phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 15/9/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2023 đến ngày 15/02/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Các bị cáo trích xuất có mặt)

Người chứng kiến

Anh Phạm Văn C1, sinh năm 1983 và ông Phạm Văn C2, sinh năm 1957, đều trú tại thôn ĐL, xã T2, huyện TT, tỉnh B

(Anh Chữ, ông Chiến đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 09/02/2023, Hoàng Hữu D đi xe ôm từ nhà đến khu vực chân cầu Trà Lý thuộc địa phận xã T2, huyện TT, tỉnh B để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, D gặp Nguyễn Văn N cũng đang tìm mua ma túy. D và N biết nhau do đều là người nghiện ma túy nên N hỏi D “có chỗ nào lấy hàng không?”, hiểu ý N hỏi có chỗ nào mua ma túy không nên D bảo: “có” và hỏi N “anh có tiền không?”, N trả lời “có 100.000 đồng”. Sau đó N đưa cho D 100.000 đồng rồi cả hai cùng lên xe ôm đi sang bên kia khu vực chân cầu Trà Lý thuộc địa phận huyện TH, tỉnh B thì dừng lại xuống xe đi tìm mua ma túy. D và N gặp một người nam giới khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ mua 02 gói ma túy với giá 200.000 đồng. D cất 02 gói ma túy cất vào túi áo bên trái áo khoác đang mặc và cùng N đi bộ tìm chỗ để sử dụng ma túy. Khi D và N đang đi bộ tại đường cánh đồng thuộc thôn ĐL, xã T2, huyện Thái Thụy thì bị lực lượng Công an xã T2 phối hợp cùng Công an xã TH, huyện TT phát hiện, yêu cầu dừng lại để kiểm tra, tổ công tác tiến hành kiểm tra người D phát hiện và thu giữ tại túi áo bên trái áo khoác D đang mặc 02 gói được gói bằng giấy tráng kim loại, mở ra bên trong cả 02 gói đều chứa chất bột màu trắng, dạng cục. D khai nhận đó là 02 gói ma túy loại Heroin của D và N góp tiền mua về để sử dụng cho bản thân. Cơ quan công an lập biên bản, niêm phong vật chứng gửi giám định

Tại bản kết luận giám định số 175/KL-KTHS ngày 13/02/2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,1403 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 67/CT- VKSTT ngày 24 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo D, N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy " theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 khoản 5 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Hữu D từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù; đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đến 07 triệu đồng;

Áp dụng điểm c khoản 1 khoản 5 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đến 07 triệu đồng. Đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc đưa các bị cáo ra xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Người chứng kiến vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Khoảng 11 giờ ngày 09/02/2023, tại đường cánh đồng thuộc địa phận thôn ĐL, xã T2, huyện TT, tỉnh B, Hoàng Hữu D có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy, loại Heroin có khối lượng 0,1403 gam, D và Nguyễn Văn N thừa nhận số ma túy đó là của D, N mua để sử dụng cho bản thân thì bị Công an xã T2 phối hợp với Công an xã TH bắt quả tang. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy do nhà nước độc quyền quản lý, nhưng vẫn thực hiện hành vi tàng trữ để sử dụng, thể hiện sự coi thường pháp luật, hành vi đó đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

.....

c). Hêrôin, coocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy cùng đi mua ma túy về sử dụng nên vai trò là ngang nhau.

[6]. Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, làm khánh kiệt về kinh tế, là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn cho xã hội. Bị cáo D trước đó đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm. Các bị cáo D và N đều là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, vì vậy, cần phải quyết định một hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có bố là Liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x Điều 51 BLHS, bị cáo D có bố được thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS

[7]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[8]. Về nguồn gốc số ma túy: Các bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết, đặc điểm nhận dạng, địa chỉ cụ thể ở khu vực cầu

TL, thuộc địa phận huyện TH nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh xử lý.

[9]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Số ma túy cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo có khối lượng 0,1403 gam Heroine, sau khi lấy mẫu giám định còn lại là 0,1225 gam Heroin, đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Hữu D và bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy "

2.Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Hữu D 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này sung vào công quỹ nhà Nhà nước

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s, x khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/02/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này sung vào công quỹ nhà Nhà nước

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 0,1225 gam Heroine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định thu giữ của các bị cáo. (Vật chứng như trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an và Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy ngày 24/5/2023)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án
Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh TB
- Trại tạm giam CA tỉnh TB
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương